TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẾ SƠN** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 05/2020/DS-ST. Ngày: 10-3-2020. V/v: *"Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ trả tiền".*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Hương;

2. Ông Hồng Quang Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Yến, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Vũ – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2020, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 33/2019/TLST–DS ngày 02/12/2019 về việc *"Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ trả tiền"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đồng Thị Mỹ L, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Thôn 6, xã H A, huyện Q S, tỉnh Q N.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Xuân L2, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Thôn 3, xã P T, huyện Q S, tỉnh Q N.

Tất cả đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/10/2019, tại bản tự khai, các phiên hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đồng Thị Mỹ L trình bày:

Năm 2017, ông L2 có nhận của bà số tiền để liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xin cấp Giấy phép khai thác 6,5ha đất thuộc quyền sử dụng của ông L2 tại núi Hương Mao, thôn Phước Chánh, xã P T, huyện Q S để cùng nhau khai thác. Tổng số tiền bà giao cho ông L2 là 500.000.000 đồng. Biên bản nhận tiền ngày 26/5/2018, ông L2 cam kết có trách nhiệm bàn giao giấy phép cho bà trước ngày 28/8/2018, đến thời điểm trên mà chưa bàn giao giấy phép thì ông L2 hoàn trả lại cho bà số tiền trên. Các bên không có thỏa thuận về lãi. Đã quá thời gian thỏa thuận, nhưng ông L2 vẫn chưa bàn giao giấy phép cho bà, đã nhiều lần bà yêu cầu ông L2 trả tiền, nhưng đến nay ông L2 chỉ mới trả cho bà được 100.000.000 đồng vào ngày 16/01/2020. Số tiền ông L2 còn nợ là 400.000.000 đồng. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông L2 trả cho bà số tiền là 400.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 09%/năm, tính từ ngày 28/8/2018 đến ngày 16/01/2020 đối với số tiền 500.000.000 đồng và tính lãi đối với số tiền 400.000.000 đồng, kể từ ngày 17/01/2020 đến khi ông L2 trả hết số tiền gốc cũng với lãi suất 09%/năm.

Tại bản tự khai, tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Xuân L2 trình bày:

Năm 2017 và 2018, ông có nhận của bà L số tiền là 500.000.000 đồng để liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xin cấp giấy phép khai thác 6,5ha đất thuộc quyền sử dụng của ông tại núi Hương Mao, thôn Phước Chánh, xã P T, huyện Q S để cùng nhau khai thác chung như bà L đã trình bày. Tuy nhiên, quá trình làm giấy phép khó khăn nên ông chưa thực hiện xong. Ngày 16/01/2020, ông đã trả cho bà L được số tiền 100.000.000 đồng, hiện còn nợ bà L 400.000.000 đồng. Ông thống nhất trả số tiền gốc còn lại là 400.000.000 đồng. Đối với tiền lãi thì ông không đồng ý vì hai bên cùng nhau hợp tác làm ăn nên ông không phải trả lãi cho bà L.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đồng Thị Mỹ L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Đồng Thị Mỹ L có giao cho ông Nguyễn Xuân L2 thường trú tại thôn 3, xã P T, huyện Q S, tỉnh Q N số tiền 500.000.000 đồng để làm giấy phép khai thác đất. Hai bên thỏa thuận, ông L2 phải bàn giao giấy phép cho bà L trước ngày 28/8/2018,

nếu đến thời điểm trên ông L2 không bàn giao giấy phép cho bà L thì ông L2 phải hoàn trả lại số tiền 500.000.000 đồng cho bà L. Đã quá thời gian thỏa thuận, ông L2 không bàn giao giấy phép và cũng không thực hiện nghĩa vụ trả tiền lại cho bà L nên phát sinh tranh chấp. Vì vậy, quan hệ tranh chấp được xác định là "Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ trả tiền", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn theo quy định tại khoản 2 Điều 26, Điều 35, Điều 36 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc giao dịch của các bên đương sự:

Ngày 26/5/2018, ông L2 có nhận của bà L tổng số tiền 500.000.000 đồng, mục đích để làm giấy phép khai thác 6,5ha đất thuộc quyền sử dụng của ông L2 tại núi Hương Mao, thôn Phước Chánh, xã P T, huyện Q S. Tại biên bản nhận tiền, hai bên thỏa thuận ông L2 có trách nhiệm giao giấy phép cho bà L trước ngày 28/8/2018, đến thời điểm trên mà ông L2 chưa hoàn thành và bàn giao giấy phép cho bà L thì ông L2 phải hoàn trả số tiền trên cho bà L thông qua hình thức thanh toán tiền mặt hoặc chuyển khoản ngân hàng. Qua làm việc, ông L2 cũng thừa nhận toàn bộ nội dung thỏa thuận nêu trên. Đến ngày 16/01/2020, ông L2 trả cho bà L được số tiền là 100.000.000 đồng. hiện tại số tiền ông còn nợ chị L là 400.000.000 đồng. Xét thấy việc thỏa thuận giữa bà L và ông L2 theo Biên bản nhận tiền ngày 26/05/2018 trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên có hiệu lực pháp luật theo Điều 385, Điều 401 Bộ luật dân sự. Đến nay, ông L2 đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận nên bà L khởi kiện là có căn cứ.

Từ những nhận định trên, căn cứ theo quy định tại Điều 274, Điều 275, Điều 280 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đồng Thị Mỹ L, buộc ông Nguyễn Xuân L2 phải có nghĩa vụ trả cho bà Đồng Thị Mỹ L số tiền 400.000.000 đồng.

[3] Về lãi suất: Tại Biên bản nhận tiền ngày 26/5/2018, các bên không có thỏa thuận về lãi suất chậm trả tiền. Vì vậy, căn cứ vào Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu lãi suất 09%/năm của nguyên đơn. Lãi suất được tính như sau:

+ Đối với số tiền 500.000.000 đồng, tính từ ngày 28/8/2018 đến ngày 16/01/2020, số tiền lãi ông L2 phải trả là: 62.375.000 đồng.

+ Đối với số tiền 400.000.000 đồng, tính từ ngày 17/01/2020 đến ngày 10/3/2020, số tiền lãi ông L2 phải trả là: 5.200.000 đồng.

Tổng số tiền lãi ông L2 phải trả cho bà L tính đến ngày 10/3/2020 là 67.575.000 đồng và tiếp tục tính lãi đối với số tiền 400.000.000 đồng, lãi suất 09%/năm đến khi ông L2 trả hết nợ gốc.

[4] Về án phí: Ông Nguyễn Xuân L2 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 274, Điều 275, Điều 280, Điều 385, Điều 401, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 147 Bộ Luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, L phí;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đồng Thị Mỹ L.

Buộc ông Nguyễn Xuân L2 có nghĩa vụ trả cho ông bà L số tiền gốc là 400.000.000 *(Bốn trăm triệu)* đồng, tiền lãi tính đến ngày 10/3/2020 là 67.575.000 *(Sáu mươi bảy triệu, năm trăm bảy mươi lăm nghìn)* đồng và tiếp tục tính lãi với lãi suất 09%/năm đến khi trả hết nợ gốc.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm là 22.703.000 *(Hai mươi hai triệu, bảy trăm lẻ ba nghìn)* đồng, buộc ông Nguyễn Xuân L2 phải chịu. Hoàn trả cho bà Đồng Thị Mỹ L số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 13.040.000 *(Mười ba triệu, không trăm bốn mươi nghìn)* đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, L phí Tòa án số 0007143 ngày 26/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (10/3/2020).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Thọ